

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10549/TTr-SGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Tờ trình số 98/TTr-SGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *16* tháng 01 năm 2022.

2. Bãi bỏ các Quyết định

a) Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí mở tuyến vận tải khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách Nhà nước;

b) Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Giao thông vận tải;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Tổng Cục Đường bộ Việt Nam;
 - Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, Tan. (4gb)
- <F:\2022\UBT\Tham mưu GT>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng



QUY ĐỊNH

Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 01 /2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.
2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt tham gia khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(Sau đây gọi chung là đơn vị kinh doanh vận tải)*.
3. Các doanh nghiệp có liên quan đến xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.
4. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt.
5. Hành khách đi xe buýt.

Chương II PHƯƠNG TIỆN VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 3. Phương tiện tham gia vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Phương tiện tham gia vận tải hành khách bằng xe buýt phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ *(Sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT)*.
2. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết thông tin theo đúng quy định và phù hợp với từng loại xe, kích cỡ thông tin niêm yết. Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết thông tin bằng thiết bị điện tử.

3. Trên xe phải lắp thiết bị giám sát hành trình đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Sau đây viết tắt là Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*) và khoản 1 Điều 15 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

4. Xe buýt phải lắp camera theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP. Camera lắp đặt trên xe buýt phải đảm bảo các quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 4. Kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt bao gồm: Đường (*Hoặc làn đường*) dành riêng hoặc ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe buýt, bến xe buýt.

2. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải đảm bảo các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

3. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn khác hoặc xã hội hóa.

b) Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng làm chủ đầu tư hoặc phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng thực hiện chức năng làm chủ đầu tư xây dựng, sửa chữa, quản lý và duy tu bảo dưỡng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan để đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh cho các kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

d) Việc quảng cáo trên các điểm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành.

Nguồn thu từ quảng cáo, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

Chương III QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 5. Căn cứ để xác định tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nhu cầu đi lại của nhân dân và các điểm thu hút khách đi xe buýt.
3. Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.
4. Ngoài các căn cứ nói trên, đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước còn phải đáp ứng các quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 6. Công bố mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Việc công bố mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.
2. Đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách tỉnh, Sở Giao thông vận tải công bố mở tuyến sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Sở Giao thông vận tải thực hiện công bố mở tuyến xe buýt trên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 7. Quản lý vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Việc đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.
2. Sở Giao thông vận tải quyết định giao đảm nhận nhiệm vụ khai thác tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải
 - a) Trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến đối với tuyến không trợ giá.
 - b) Được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tiếp tục khai thác hoạt động sau thời gian thử nghiệm đối với tuyến có trợ giá.
 - c) Quyết định giao đảm nhận nhiệm vụ khai thác tuyến quy định tại điểm a, điểm b khoản này có thời hạn không quá 05 năm.

Trước khi hết thời hạn 03 tháng, Sở Giao thông vận tải tổ chức đánh giá kết quả đảm nhận khai thác tuyến của đơn vị kinh doanh vận tải để xem xét quyết định tiếp tục giao đảm nhận khai thác tuyến.

3. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng ký hợp đồng khai thác tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải được giao đảm nhận khai thác tuyến.

Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến, bao gồm: Tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

4. Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ, hành trình chạy xe trên tuyến xe buýt nội tỉnh khi có sự thay đổi về tổ chức giao thông dẫn đến phải thay đổi hành trình hoặc theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại từng thời điểm.

Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng điều chỉnh tạm thời hành trình chạy xe trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông; điều chỉnh tạm thời biểu đồ chạy xe trong những ngày lễ, tết, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác.

5. Việc ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt; bổ sung xe, thay thế xe buýt khai thác trên tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

6. Việc điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến đối với các tuyến xe buýt liên tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

7. Quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe được công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải và các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 10 ngày trước khi thực hiện.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Vé xe buýt có 2 loại: Vé lượt và vé bán trước.

a) Vé lượt là chứng từ để hành khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

b) Vé bán trước là chứng từ để hành khách sử dụng đi lại thường xuyên trong thời gian một tháng hoặc dài hơn trên các tuyến xe buýt do đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến quy định.

2. Vé xe buýt do các đơn vị kinh doanh vận tải tự in ấn, quản lý và phát hành theo quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; đồng thời, theo mẫu chung theo hướng dẫn của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

Riêng đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách của tỉnh, vé xe buýt phải do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

3. Giá vé trên các tuyến xe buýt

a) Đối với tuyến xe buýt có trợ giá: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Đối với tuyến xe buýt không trợ giá: Do đơn vị kinh doanh vận tải kê khai và niêm yết theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

4. Ngoài các loại vé nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các loại vé xe buýt cho các đối tượng ưu tiên với giá vé thấp hơn hoặc miễn vé.

5. Khuyến khích ứng dụng công nghệ vé thông minh có kết nối đa phương thức, đa dạng hóa hình thức bán vé và loại vé phù hợp với nhu cầu của hành khách.

Điều 9. Lệnh vận chuyển

1. Xe buýt tham gia hoạt động trên tuyến phải có lệnh vận chuyển.

2. Lệnh vận chuyển phải thể hiện các thông tin cơ bản sau: Đơn vị kinh doanh vận tải; thông tin về lái xe (*Họ và tên, hạng giấy phép lái xe*); nhân viên phục vụ; biển số đăng ký; điểm đầu, điểm cuối, mã số tuyến; giờ xe xuất bến, về bến, sản lượng vé; xác nhận của nhân viên điều hành, thủ trưởng đơn vị kinh doanh vận tải.

3. Lệnh vận chuyển do các đơn vị kinh doanh vận tải tự in theo mẫu chung theo hướng dẫn của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

Riêng đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách của tỉnh, lệnh vận chuyển phải do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm quản lý, cấp và kiểm tra việc sử dụng Lệnh vận chuyển; lưu trữ Lệnh vận chuyển đã thực hiện trong thời gian tối thiểu 05 năm.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm cung cấp thông tin trên Lệnh vận chuyển của từng chuyến xe về máy chủ của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước và các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt mở mới theo Điều 11 Quy định này được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trợ giá khi doanh thu không đủ bù đắp chi phí.

2. Nguồn kinh phí thực hiện trợ giá cho các tuyến xe buýt trợ giá: Ngân sách tỉnh.

Điều 11. Quy định về mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Tiêu chí mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Phải có trong danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Nằm trên trục đường nối các khu dân cư có lưu lượng giao thông lớn hoặc thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông cần có xe buýt hoạt động nhưng không có đơn vị đăng ký khai thác.

c) Có cự ly vận chuyển từ 10 km đến 50 km và không trùng quá 40% cự ly của tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt khác.

d) Hệ số lợi dụng trọng tải khoán tối thiểu phải đảm bảo từ 40% trọng tải phương tiện khi bắt đầu khai thác thử nghiệm trở lên và doanh thu không đủ bù đắp chi phí hợp lý theo luật định.

2. Việc mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và căn cứ vào khả năng cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh.

3. Quy trình mở tuyến vận tải khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách Nhà nước

a) Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và khả năng cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cùng các đơn vị có liên quan đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cùng các đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn đơn vị đảm nhận khai thác tuyến theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách tỉnh được mở mới phải qua thời gian khai thác thử nghiệm là 12 tháng trước khi xem xét đưa vào khai thác chính thức.

d) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo kết quả khai thác thử nghiệm, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hoạt động của tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá sau thời gian khai thác thử nghiệm.

Điều kiện chuyển tuyến từ khai thác thử nghiệm sang khai thác chính thức là hệ số lợi dụng trọng tải tháng thứ 12 đạt từ 50% trọng tải xe trở lên. Trường hợp hệ số lợi dụng trọng tải tháng thứ 12 dưới 50% trọng tải xe thì không tiếp tục thực hiện trợ giá cho tuyến đó.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 12. Sở Giao thông vận tải

1. Có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Mô hình tổ chức, chương trình, đề án phát triển hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Danh mục mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt. Điều chỉnh, bổ sung (Nếu có) danh mục mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt phù hợp với tình hình thực tế.

c) Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và đơn vị tham gia lĩnh vực vận tải hành khách bằng xe buýt.

d) Phương án mở tuyến và phương án hoạt động sau thời gian khai thác thử nghiệm của tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước.

đ) Các chính sách trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

e) Định mức đơn giá chi tiết và một số chỉ tiêu khác áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

g) Định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá chi phí, đơn giá ca xe, quy định về trợ giá và giá vé cho từng tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến hoặc ngừng hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước.

b) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến xe buýt có trợ giá của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

c) Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

3. Quyền hạn

a) Quyết định công bố mở tuyến, điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến hoặc ngừng hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định công bố mở tuyến, điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến hoặc ngừng hoạt động trên các tuyến xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh không trợ giá từ ngân sách nhà nước.

c) Quyết định giao cho đơn vị kinh doanh vận tải đảm nhận khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến.

d) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến *(Hoặc sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tuyến xe buýt có trợ giá)* của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

đ) Công bố mẫu biển báo điểm dừng, nhà chờ xe buýt trên địa bàn tỉnh. Quyết định danh mục vị trí cụ thể của hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

e) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiểm tra, thanh tra nguồn kinh phí trợ giá từ ngân sách nhà nước đối với tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh.

g) Phối hợp với các ngành chức năng thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

h) Quản lý, cấp mới, cấp lại phù hiệu xe buýt theo quy định.

i) Chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho nhân viên phục vụ trên xe và công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người lái xe do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải trên địa bàn

địa phương hoặc Hiệp Hội Vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp Hội Vận tải ô tô Đồng Nai tổ chức theo quy định.

k) Quyết định ban hành Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 13. Sở Tài chính

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt tiền trợ giá đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Tổ chức thẩm định hồ sơ thanh, quyết toán tiền trợ giá đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trợ giá từ ngân sách tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá chi phí, đơn giá ca xe, quy định về trợ giá và giá vé cho từng tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá vé xe buýt theo quy định.

Điều 14. Sở Kế hoạch đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải cân đối, phân bổ nguồn vốn ngân sách để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 15. Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

2. Chỉ đạo các phòng chức năng phối hợp với Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng giám sát, phản ánh hoạt động của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn theo quy định.

Điều 16. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng

1. Có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt, bao gồm:

- Sản lượng, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

b) Danh mục vị trí cụ thể của hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt; mẫu thiết kế - dự toán biển báo điểm dừng, nhà chờ xe buýt.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

d) Phương án mở tuyến; điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến; thay thế, bổ sung phương tiện hoặc ngừng hoạt động các tuyến xe buýt.

đ) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

e) Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyền hạn

a) Ký hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải được Sở Giao thông vận tải giao đảm nhận khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những nội dung thoả thuận trong hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến.

b) Điều chỉnh tạm thời hành trình chạy xe của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông; điều chỉnh biểu đồ chạy xe theo nhu cầu đi lại trong những ngày lễ, tết, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác.

c) Quyết định kế hoạch, hình thức thông tin, tuyên truyền cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; tổ chức tuyên truyền để vận động nhân dân đi xe buýt.

d) Tổ chức triển khai thực hiện Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt.

đ) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và tổ chức quản lý, thực hiện công tác duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt theo phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải.

e) Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera trên xe buýt của các đơn vị kinh doanh vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm và định kỳ tổng hợp báo cáo Sở Giao thông vận tải theo quy định.

g) Xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy khai thác tuyến và hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt đã ký kết với các đơn vị kinh doanh vận tải.

Nguồn thu từ xử lý vi phạm hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

h) Kiểm tra, xác nhận sản lượng vận chuyển thực tế của các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ thanh quyết toán tiền trợ giá.

Thực hiện các thủ tục thanh toán tiền trợ giá cho đơn vị kinh doanh vận tải khai thác các tuyến xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước.

i) Thực hiện công tác điều hành tại các điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ.

Điều 17. Đơn vị kinh doanh vận tải

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện các quy định tại Điều 34 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, Điều 35 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

b) Tổ chức thực hiện đúng theo phương án khai thác tuyến, Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến và các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

Chịu trách nhiệm nếu phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của đơn vị vi phạm các quy định về hoạt động xe buýt.

c) Bố trí đúng, đủ số lượng xe (*Kể cả xe dự phòng*) đảm bảo các quy định tham gia hoạt động trên tuyến theo phương án khai thác tuyến đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt.

d) Bố trí đủ số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo phương án khai thác tuyến đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt (*Trừ xe buýt có trang thiết bị thay thế nhân viên phục vụ*) và đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

đ) Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, thẻ nhận dạng lái xe theo quy định.

Đăng ký mẫu đồng phục và thẻ tên của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe với Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

e) Xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng Cục Đường bộ Việt Nam ban hành và đăng ký chất lượng dịch vụ với Sở Giao thông vận tải theo quy định.

Trường hợp tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng Cục Đường bộ Việt Nam ban hành.

g) Kế khai giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo đúng quy định hiện hành. Niêm yết và thực hiện theo đúng mức giá cước đã kê khai.

h) Thực hiện đúng các quy định hiện hành về lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, camera của xe.

Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera của các phương tiện hoạt động trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

Khi có thay đổi thông tin về thiết bị giám sát hành trình, camera phải báo cáo kịp thời về Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

i) Thường xuyên tổ chức triển khai, quán triệt đến lái xe, nhân viên phục vụ các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

k) Phát hiện, báo cáo kịp thời cho Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng về tình trạng hư hỏng của kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông trên tuyến do đơn vị đảm nhận.

l) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí trợ giá của nhà nước *(Nếu có)* đúng quy định. Đồng thời, phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trợ giá đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về độ chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

m) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất *(Khi có yêu cầu)* theo quy định của Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

n) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn

a) Được hưởng các chính sách ưu đãi đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định hiện hành.

b) Được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

c) Khiếu nại việc xử lý vi phạm hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định.

d) Đề xuất với cơ quan quản lý tuyến về việc điều chỉnh *(Nếu cần)* phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt.

đ) Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp, hội nghị liên quan đến công tác quản lý, khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được giao đảm nhận.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của lái xe và nhân viên phục vụ khi tham gia hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

2. Có trách nhiệm kiểm tra các thông tin ghi trên lệnh vận chuyển và ký tên xác nhận *(Ghi rõ họ tên)* vào lệnh vận chuyển.

3. Hợp tác, chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của lực lượng làm công tác kiểm tra trên tuyến, điều hành đầu, cuối tuyến khi đang làm nhiệm vụ.

4. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phải tham dự tập huấn và được cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông.

5. Bán vé theo đúng mệnh giá vé trên tuyến mà đơn vị kinh doanh vận tải đã kê khai và thực hiện miễn vé, giảm giá vé cho các đối tượng hành khách theo quy định.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại Điều 37 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT. Ngoài ra, hành khách có trách nhiệm

a) Giúp đỡ và nhường ghế ngồi cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai, người có con nhỏ, người khuyết tật.

b) Xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát của người có thẩm quyền, trường hợp hành khách làm mất vé thì phải mua lại vé.

c) Phải giữ vệ sinh trên xe, tại các điểm dừng, nhà chờ xe buýt; không được mang theo hàng cấm, hàng dễ cháy nổ, hàng tanh hôi hoặc động vật sống là hàng hóa.

2. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố, Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố cùng các đơn vị có liên quan đề xuất biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.